ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU
HUYỆN UỶ TAM ĐƯỜNG
*
Số 423-BC/HU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tam Đường, ngày 21 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

sơ kết 2,5 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 24/8/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ Huyện Tam Đường về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2021-2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Huyện có điều kiện tự nhiên *(địa hình, thời tiết, đất đai...)* phù hợp cho phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; được tỉnh định hướng xác định các mặt hàng sản phẩm chủ lực, phát triển một số cây cây trồng *(lúa, chè, dong diềng, mắc ca,...)* thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, chất lượng cao. Doanh nghiệp, hợp tác xã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và người dân trong quá trình thực hiện liên kết đầu tư *(thâm canh, trồng, chăm sóc, thu hái, tiêu sản phẩm)*.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, huyện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện; sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền cơ sở và sự đồng thuận, nỗ lực của Nhân dân trong việc triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Khoa học kỹ thuật, dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông nghiệp từng bước phát triển, thuận lợi cho chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Nguồn lao động dồi dào, nhận thức, kinh nghiệm của nhân dân trong việc trồng, chăm sóc, thu hái từng bước được nâng cao; đội ngũ cán bộ chuyên môn có trình độ, năng lực, kinh nghiệm công tác đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

2. Khó khăn

Khí hậu, thời tiết có thời điểm diễn biến bất thường (*gió lốc, mưa đá, sạt lở đất,...*); tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài; giá cả một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất có thời điểm tăng cao;... gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; việc quản lý, sử dụng đất của nhân dân còn mang mún, nhỏ lẻ gây khó khăn cho tích tụ đất đai để phát triển nông nghiệp hàng hóa; hạ tầng vùng sản xuất (*đường nội đồng, thủy lợi*) tuy đã được quan tâm đầu tư, xong chưa đáp ứng được yêu cầu. Đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận người dân chưa thực sự có ý trí vươn lên làm giàu, áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa Nghị quyết

Để cụ thể hóa và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết, Huyện ủy đã ban hành 01 kế hoạch, 02 quyết định; HĐND huyện đã ban hành 02 nghị quyết; Ban Chỉ đạo huyện ban hành 02 quyết định, 4 kế hoạch; UBND huyên ban hành 09 quyết định, 6 kế hoạch; lồng ghép các chương trình, dự án tổ chức tập huấn, hội nghị chuyển giao khoa học kỹ thuật cho Nhân dân. Chỉ đạo Đảng ủy các xã, thị trấn ban hành Nghị quyết tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Hàng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân huyện giao chỉ tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa cho các xã, thị trấn để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập Nghị quyết

Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập các chủ trương, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của trung ương, của tỉnh, nội dung Nghị quyết tới toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện bằng nhiều hình thức như: Tổ chức hội nghị quán triệt, học tập; tuyên truyền trên hệ thống Truyền thanh - Truyền hình huyện, Cổng thông tin điện tử huyện, trang facebook, nhóm zalo, trạm truyền thanh cơ sở, thông qua các ban chỉ đạo, tổ công tác.

Kết quả: Huyện tổ chức 01 Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến từ huyện tới cơ sở với 777 đại biểu tham gia; Đảng ủy các xã, thị trấn, MTTQ và các đoàn thể huyện, cơ sở lồng ghép tổ chức 18 hội nghị, 158 buổi sinh hoạt chi bộ, 663 buổi sinh hoạt MTTQ, các đoàn thể, với 18.856 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, Nhân dân tham gia; chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thể thao và truyền thông huyện đưa trên 1.000 tin, bài để truyên truyền. Thông qua tuyên truyền, quán triệt, học tập, cán bộ, đảng viên và Nhân dân cơ bản nắm được nội dung Nghị quyết của Đảng bộ huyện, các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của trung ương, của tỉnh góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo được sự thống nhất cao trong các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, sự đồng thuận trong nhân dân, phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

3. Công tác kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện

Đã lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Kiểm tra các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết, hằng năm xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện. Năm 2023, HĐND huyện giám sát 01 cuộc về thực hiện Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND, ngày 17/12/2020 về Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện Tam Đường, giai đoạn 2021-2025.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu Nghị quyết

- *Lúa hàng hóa:* Duy trì, nâng cao hiệu quả 600 ha lúa hàng hóa, gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm, đạt 100% Nghị quyết; sản lượng 3.240 tấn/năm.

- *Cây chè:* Trồng mới 294,3/400 ha chè tập trung, đạt 73,6% Nghị quyết, nâng tổng diện tích chè 2.130,4/2.200 ha, đạt 96,8% so Nghị quyết. Giữ vững và phát huy hiệu quả nhãn hiệu "Chè Tam Đường"[1].

- *Cây dong riềng:* Mở rộng, duy trì ổn định 200/150 ha, đạt 133,3% Nghị quyết; xây dựng thành công nhãn hiệu "Miến dong Bình Lư"[2].

- *Cây Mắc ca:* Trồng mới được 290,13/800 ha, đạt 36,3% Nghị quyết, nâng tổng diện tích 1.002,8/1.200 ha đạt 83,6% Nghị quyết; chưa xây dựng nhãn hiệu Mắc ca Tam Đường.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Rà soát, xác định rõ vùng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với quy hoạch Nông thôn mới

Chỉ đạo UBND huyện, các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn rà soát, xác định rõ vùng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung để bổ sung vùng sản xuất vào quy hoạch Nông thôn mới của các xã, thị trấn. Kết quả: Đã xác định vùng sản xuất trên bản đồ và ngoài thực địa đối với cây chè 400 ha[3], cây mắc ca 800ha[4], lúa 600 ha[5], dong riềng 200 ha[6].

Thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đến nay đã tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi 329,5 ha[7] đất kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị cao, đảm bảo theo quy định; tăng cường chỉ đạo quản lý, thực hiện tốt vùng sản xuất theo

---

[1] Giấy chứng nhận đã đăng ký nhãn hiệu số 284481 do Cục sở hữu trí tuệ cấp năm 2017

[2] Quyết định số 92170/QĐ-SHTT, ngày 30/11/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

[3] Bản Bo 51,5 ha, Nà Tăm 74 ha, Khun Há 174,5 ha, Thèn Sin 50 ha và Nùng Nàng 50 ha (gồm đất chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác kém hiệu quả)

[4] trong đó: 325 ha được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 02/4/2021, tại 02 xã Nà Tăm, Khun Há (đất quy hoạch rừng sản xuất, đất nương rẫy và đất chưa sử dụng); còn 475 tại các xã Thèn Sin 100ha; Bình Lư 50ha; Sơn Bình 50ha; Bản Bo 175ha, Bản Hon 50ha; Bản Giang 50ha.

[5] Thị trấn Tam Đường 120 ha (sản xuất 02 vụ), tại khu cánh đồng Bản Nà Đa - Tiên Bình); Hồ Thầu 100 ha (sản xuất 01 vụ) tại khu cánh đồng Nậm Pé, bản Phô Hồ Thầu, bản Chù Lìn, Gia Khâu, Bình Lư 220 ha (sản xuất 02 vụ) tại 06 khu cánh đồng (Nà Khan, Nà Phát 90 ha; Pa Pe 40 ha; Nà Hum 20 ha; Nà San 15 ha, Nà Đon 40 ha, Thèn Thầu 15 ha); xã Bản Bo 60 ha, sản xuất khu cánh đồng Nà Ly, Bản Bo; xã Thèn Sin 60 ha, sản xuất khu cánh đồng Lò Thàng, Thèn Sin; xã Tả Lèng 40 ha, sản xuất khu cánh đồng Thèn Pả

[6] Tại các xã, thị trấn: Thèn Sin 5 ha, Hồ Thầu 50 ha, Thị trấn 45 ha, Bình Lư 38 ha, Sơn Bình 30 ha, Bản Bo 3 ha, Nà Tăm 25 ha, Bản Giang 4ha.

[7] Năm 2021: 98,2 ha đất trồng lúa; năm 2022: 168,2 ha (Lúa 129,1 ha, ngô 39,9 ha); Năm 2023: 63,1 ha đất trồng lúa

hướng phát triển tập trung, gắn với cơ sở thu mua chế biến và có thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Thực hiện các chính sách về đất đai, phát triển vùng sản xuất, tạo sản phẩm hàng hóa

Quan tâm, khuyến khích người dân chuyển đổi diện tích đất canh tác kém hiệu quả sang phát triển cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn theo quy định; khuyến khích nông dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư, liên kết cùng doanh nghiệp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, nghị quyết, đề án đã được phê duyệt Thực hiện tốt công tác quản lý đất sản xuất nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô tập trung, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân, cụ thể như:

Duy trì, nâng cao hiệu quả 600 ha lúa hàng hóa, đạt 100% nghị quyết, sản lượng 3.240 tấn; cơ cấu giống chủ yếu gồm: Séng củ, DS1, Hương thơm. Thu hút 02 Công ty thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa Séng Củ, Tẻ râu[8]. Quan tâm chỉ đạo, đồng hành cùng doanh nghiệp vào liên kết người dân trồng thử nghiệm giống lúa mới để đánh giá năng suất chất lượng, làm cơ sở đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT đưa vào cơ cấu giống lúa của tỉnh[9].

Quan tâm chỉ đạo bảo vệ, chăm sóc, thâm canh tốt cây chè hiện có; phát triển trồng mới 294,3 ha chè tập trung[10], nâng tổng diện tích chè 2.130,4 ha, cơ cấu giống chè PH8. Đầu tư phát triển 51,7 ha chè cổ thụ[11], nâng tổng diện tích lên 97,5 ha; chăm sóc, bảo tồn 2.895 lượt cây chè cổ thụ[12]. Giữ vững, phát huy hiệu quả nhãn hiệu "Chè Tam Đường". Phát triển 03 cơ sở chế biến chè, nâng tổng số lên 12 cơ sở; hiện nay có 05 Doanh nghiệp, 03 HTX, 04 hộ gia đình cá nhân đang thực hiện liên kết, bao tiêu thu mua chè búp tươi với 3.255 hộ. Sản phẩm chè của huyện chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Afghanistan, Pakistan và Đài loan, trong đó xuất khẩu trực tiếp đạt khoảng 33,7% sản lượng với các dạng sản phẩm chè xanh sao lăn, chè đen, Sen cha, Hồng trà, Ô long; xuất khẩu ủy thác khoảng 60%, số còn lại tiêu thụ tại huyện và các huyện, thành phố trong tỉnh.

Mở rộng, duy trì ổn định 200 ha cây dong diềng, sản lượng 12.000 tấn/năm; tăng cường chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất 03 làng nghề làm miến đảm

---

[8] Năm 2022, Công ty TNHH MTV giống vật tư nông nghiệp Tây Bắc 64,55 ha (Hồ Thầu 4,2 ha, Bình Lư 32,9 ha, Thị trấn Tam Đường 27,45 ha) lúa Séng củ; Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm 05 ha lúa Tẻ râu tại xã Tả Lèng

Năm 2023, vụ đông xuân, Công ty TNHH 1 thành viên Tây Bắc liên kết người dân phát triển 45 ha lúa séng củ vụ đông xuân (Thèn Sin 30 ha, Bình Lư 15 ha), năng suất 51,8 tạ/ha, sản lượng 233 tấn Vụ mùa thực hiện 95 ha: Công ty TNHH Quế Lâm 07 ha tại xã Tả Lèng; Công ty TNHH 1 thành viên Tây Bắc 88 ha, tại các xã Hồ Thầu 9,2 ha, Bình Lư 42,9 ha và Thị trấn Tam Đường 35,9 ha

[9] Hiện nay, Công ty TNHH 1 thành viên Tây Bắc liên kết người dân trồng khảo nghiệm giống lúa LTS01, (năm 2022 10,8 ha; năm 2023: 10 ha) tại xã Bản Bo.

[10] Năm 2021: 110,9 ha, năm 2022: 113,4 ha; năm 2023: ước 70 ha.

[11] Năm 2021 24,8 ha, năm 2022: 15 ha; năm 2023: ước 11,9 ha

[12] Năm 2022: 1.204 cây, năm 2023 1 691 cây.

bảo an toàn thực phẩm; xây dựng thành công nhãn hiệu "Miến dong Bình Lư", được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận; UBND tỉnh Lai Châu công nhận sản phẩm OCOP "Miến dong Bình Lư"[13].

Phát triển trồng mới 290,13 ha[14] cây Mắc ca *(Nhà nước hỗ trợ 220,3 ha; Dự án CISDOMA 10,3 ha tại xã Bản Bo; Nhân dân đầu tư 59,5 ha tại xã Bản Bo)*, nâng tổng diện tích lên 1.002,8ha[15], diện tích kinh doanh 341,2 ha[16], sản lượng thu hoạch 1.033 tấn/năm. Thu hút 01 doanh nghiệp lập dự án đầu tư trồng 325 ha Mắc ca tại xã Khun Há và Nà Tăm[17].

2.3. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện kiện toàn, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện và các xã, thị trấn; đến nay các cơ quan chuyên môn cơ bản đã được kiện toàn, đảm bảo đủ năng lực triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách về nông nghiệp của Trung ương, của Tỉnh và thực hiện các hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm cho người dân.

Chỉ đạo tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị gia tăng từ cung cấp đầu vào tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân; phát triển 21 mô hình[18] liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

---

[13] Quyết định số 921/QĐ-UBND, ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Lai Châu năm 2020.

[14] Năm 2021: trồng xen chè 161,6 ha; năm 2022 trồng xen chè 69 ha, năm 2023: 59,5 ha (Trồng xen 25,5 ha; trồng thuần 34 ha).

[15] Trồng thuần 215,05 ha, trồng xen 787,75 ha

[16] Trồng thuần 150,8 ha, trồng xen 190,4ha

[17] Công ty Cổ phần Liên Việt Lai Châu được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 2/4/2021.

[18] Kế hoạch liên kết trồng và tiêu thụ quả Chanh leo trên địa bàn huyện Tân Uyên và Tam Đường (quy mô 150 ha) Kế hoạch hỗ trợ liên kết sản xuất trồng và tiêu thụ quả chanh leo giai đoạn 2022-2026 (quy mô 650 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Bo của Công ty cổ phần ĐTPT chè Tam Đường (quy mô 1.400 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Giang của Công ty cổ phần Trà Nam Dương (quy mô 120 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Bo của Công ty TNHH MTV Mạnh Quyết (quy mô 244 ha) Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Giang của Hợp tác xã Quyết Tiến (quy mô 100 ha). Liên kết sản xuất và chế biến chè tại xã Bản Giang của Hợp tác xã Bản Giang (quy mô 196 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Chuối của Hợp tác xã Nông nghiệp xanh (quy mô 40 ha) Liên kết sản xuất và tiêu thụ Chanh Leo của Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (quy mô 21,7 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Cá nước lạnh của HTX Ngũ Chỉ Sơn (quy mô 0,3 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Miến Dong của HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Bình Lư (quy mô 250 ha) Liên kết sản xuất và tiêu thụ Mắc Ca của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Macadamia Quốc tế. Liên kết sản xuất và tiêu thụ cây ăn quả của Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Bắc (quy mô 94,7 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ quả Lê của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây ôn đới (quy mô 19,5 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ cây ăn quả và Dược liệu của Công ty cổ phần giống rau hoa quả Trung Ương (quy mô 80,8 ha) Liên kết sản xuất và tiêu thụ Dược liệu của Công ty cổ phần nông sản Lai Châu (quy mô 0,88 ha). Liên kết sản xuất và tiêu thụ Bí xanh tại xã Giang Ma của HTX Nông nghiệp tổng hợp (quy mô 4 ha) Liên kết sản xuất và tiêu thụ Địa lan của Công ty TNHH MTV Tiến Bảy (quy mô 1.200 chậu) Liên kết sản xuất và tiêu thụ chăn nuôi Lợn của Công ty TTHH Quang Tú tại Bản Hon (quy mô 7 000 con/năm). Liên kết sản xuất và tiêu thụ chăn nuôi Ong của HTX Ong Vàng (quy mô 800 thùng/năm) Liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm lúa Sén Cù trên địa bàn huyện Tam Đường của Công ty TNHH MTV giống vật tư nông nghiệp Tây Bắc (quy mô 354 ha)

Đến nay đã tạo được một số sản xuất có giá trị thu nhập cao, như: Vùng lúa 600 ha, sản lượng 3.240 tấn/năm, giá trị thu nhập 27.200 triệu đồng/năm; vùng chè trên 2.130 ha, giá trị thu nhập 72.800 triệu đồng/năm; vùng mắc ca trên 1.002 ha, giá trị thu nhập 20.660 triệu đồng/năm; vùng cây ăn quả ôn đới trên 311 ha, thu nhập trên 52.800 triệu đồng/năm; cây chanh leo trên 397 ha, thu nhập trên 71.000 triệu đồng/năm; dong riềng 200 ha, sản lượng thu 12.000 tấn củ, giá trị thu nhập trên 36.000 triệu đồng/năm; đàn ong 4.326 đàn, sản lượng mật 17.304 lít/năm, thu nhập trên 2.100 triệu đồng/năm; cá nước lạnh thể tích nuôi 20.000m^3, sản lượng 155 tấn, thu nhập 23.250 triệu đồng/năm, ...Thông qua các mô hình liên kết giúp người dân nâng cao năng lực, khắc phục những bất lợi về quy mô, diện tích, trình độ sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và giúp người dân yên tâm đầu tư, tham gia thực hiện liên kết sản xuất.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm, xây dựng thành công 14 sản phẩm OCOP đạt 3 sao (lũy kế 15 sản phẩm)[19]. Củng cố các hệ thống cung ứng dịch vụ nông lâm nghiệp; tăng cường quản lý việc chấp hành giấy phép kinh doanh và sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi; đến nay, huyện có 36 cơ sở cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và 19 cơ sở cung ứng thuốc và thức ăn chăn nuôi. Đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, trang trại và kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã, từng bước mở rộng các ngành nghề dịch vụ gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa; từ năm 2021, đến nay thành lập mới 5 HTX nông nghiệp (lũy kế 18 HTX[20]), hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã. Toàn huyện đã thu hút 13 doanh nghiệp, tổ chức đang thực hiện đầu tư.

2.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, thực hiện các chính sách đầu tư, huy động vốn để phát triển hạ tầng vùng sản xuất

Quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chuỗi sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm (từ khâu làm đất, giống, chăm sóc, chế biến...); tổ chức 01 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ cho người dân về sản xuất, thâm canh trong phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung. Lồng ghép các chương trình thực hiện 05 mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người dân; tổ chức 44 lớp

---

[19] Miến dong Bình Lư, Cá tầm cắt khúc, Cá hồi phi lê, Mật ong hoa tự nhiên, Trà cổ thụ Putaleng, Chuối tươi Tam Đường, Chanh leo Tam Đường, Chăm chéo Lực Lệ, Bộ bàn ghế mây đan Bản Giang, Olong Trà xanh, Trà sữa Hồng Trà, Hồng trà Tam Đường, Gạo Séng Cù Tam Đường, Gạo tẻ dẻo Tam Đường, Khèn mông.

[20] Tổng 18 HTX, trong đó: Từ năm 2021 đến nay gồm: HTX Nông nghiệp tổng hợp, xã Giang Ma; HTX chăn nuôi và trồng trọt Đức Hiệp, xã Bình Lư; HTX chăn nuôi cá nước lạnh Tam Đường, xã Hồ Thầu; HTX dịch vụ và phát triển Sâm Khun Há, xã Khun Há, HTX Sâm lai châu Khun Há, xã Khun Há;

Từ năm 2020 trở về trước gồm. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và dịch vụ du lịch Ngũ Chỉ Sơn Hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ Bình Lư. HTX Chăn nuôi - Trồng trọt, xã Hồ Thầu HTX Nông nghiệp xanh Tam Đường, xã Bình Lư Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và dịch vụ Ngọc Minh, thị trấn. Hợp tác xã Bản Giang HTX Ong Vàng, xã Bản Hon HTX Nông nghiệp - Dịch vụ Tiến Mạnh, xã Giang Ma HTX Đại Phong, thị trấn. Hợp tác xã Thương mại DV Bình Lư Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Duy Sơn, xã Bình Lư HTX Cá nước lạnh Hoàng Liên Sơn, xã Sơn Bình HTX Long Dương 1, xã Bản Giang

đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 1.325 lao động tham gia, đã giúp nâng cao năng lực cho nông dân trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 22/12/2021 của Tỉnh ủy[21], để thực hiện tốt các chính sách đầu tư, huy động các nguồn vốn để đầu tư mở mới và nâng cấp đường giao thông nội đồng, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng đa mục đích, chủ động tưới tiêu cho cây trồng. Đến nay, huyện đã lồng nghép các nguồn vốn, bố trí đầu tư 10.743,34 m đường giao thông nội đồng vùng chè *(Vùng chè Bản Bo 5.777,7 m; vùng chè Nà Tăm 2.459,14 m; vùng chè Khun Há 2.506,5 m)*; vùng cây ăn quả xã Bình Lư 1.476,19 m; kiên cố 3/3 đầu mối, nâng cấp sửa chữa 5.905,83m chiều dài kênh thủy lợi *(Hồ Thầu 2.520,3 m; Bình Lư 1.498,1 m; Bản Bo 1.887,43 m)* và công trình phụ trợ trên kênh. Tổng kính phí thực hiện 12.685 triệu đồng.

2.5. Phát triển công nghiệp chế biến, xác lập nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nguồn gốc của sản phẩm, gắn kết du lịch với giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông sản hàng hóa, từng bước thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm

Quan tâm chỉ đạo thu hút các nhà đầu tư phát triển vùng sản xuất hàng hóa gắn cơ sở chế biến; khuyến khích các nhà sản xuất đầu tư thiết bị hiện đại, đổi mới dây chuyền, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch; giai đoạn 2021-2023 thu thút được 01 doanh nghiệp vào đầu tư dự án xây dựng nhà máy chế biến chè tại xã Bản Giang *(Quyết định số 461-QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)* và 02 cơ sở chế biến chè *(Bản Bo 01 cơ sở; Bản Giang 01 cơ sở)*, nâng tổng số lên 12 cơ sở[22].

Duy trì, nâng cao hiệu quả nhãn hiệu "CHETAMDUONG" hiện có; tập trung xác định các sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý để tập trung hỗ trợ; hướng dẫn doanh nghiệp, hộ nông dân xây dựng hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa, chỉ dẫn địa lý. Thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn các chủ thể xây dựng hồ sơ, hoàn thiện sản phẩm OCOP và xây dựng thành công 01 nhãn hiệu "Miến dong Bình Lư" và 03 sản phẩm nhãn hiệu "Mận Tam Đường đặc sản Lai Châu", "Lê Tam Đường đặc sản Lai Châu", "Đào Tam Đường đặc sản Lai Châu", hiện nay đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp, xây dựng sản phẩm OCOP để trưng bày, giới thiệu gắn với phát triển du lịch. Tăng cường đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp

---

[21] Kế hoạch số 92-KH/HU, ngày 22/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU ngày 25/8/2021 của Tỉnh ủy Lai Châu.

[22] Công ty cổ phần ĐTPT chè Tam Đường, Công ty cổ phần trà Nam Dương, Công ty TNHH MTV Mạnh Quyết, Công ty TNHH Shan Trúc Thanh, Công ty TNHH MTV giống vật tư nông nghiệp Tây Bắc, Hợp tác xã Quyết Tiến, Hợp tác xã Bản Giang, Hợp tác xã Long Dương 1, Hộ gia đình Nguyễn Văn Bắc, Hộ gia đình Phạm Đình Uyên, Hộ gia đình Lê Thị Hà, Hộ gia đình Phạm Đình Hòa.

tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

2.6. Vốn và nguồn vốn thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện: 37.265,3 triệu đồng, trong đó:

+ Năm 2021: 14.500 triệu đồng.

+ Năm 2022: 14.216,2 triệu đồng.

+ Năm 2023 ước 6 tháng: 8.549,1 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện:

+ Nhà nước hỗ trợ: 18.012,4 triệu đồng.

+ Nhân dân đóng góp: 19.252,9 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết trong quá trình triển khai, thực hiện; tập trung quán triệt, tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia thực hiện.

Thực hiện một số chỉ tiêu đã đạt và vượt Nghị quyết (lúa hàng hóa đạt 100%, cây dong riềng đạt 133,3%). Vùng sản xuất hàng hóa tập trung được mở rộng và giá trị thu nhập tăng cao so với trước khi ban hành Nghị quyết, như: vùng chè tăng 36.650 triệu đồng, vùng lúa tăng 2.880 triệu đồng, vùng mắc ca tăng 16.060 triệu đồng, vùng dong riềng tăng 18.900 triệu đồng.

Thực hiện các chính sách, đề án của tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng như: Phát triển vùng chè tập trung, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân đi lại và lưu thông hàng hóa.

Hoạt động thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã liên doanh, liên kết phát triển nông nghiệp được triển khai hiệu quả; duy trì nâng cao hiệu quả và xây dựng thành công nhãn hiệu và sản phẩm OCOP; các dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Nghị quyết được triển khai đã góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người dân, chuyển dần từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị và thu nhập cho người nông dân. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã dần hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn như vùng lúa hàng hóa, vùng chè, chanh leo,...

2. Tồn tại, hạn chế

Một số tổ chức cơ sở đảng triển khai quán triệt, học tập nghị quyết của tỉnh,

các chủ trương, nghị quyết, chính sách của trung ương, của tỉnh, của huyện về phát triển nông, lâm nghiệp có mặt hiệu quả chưa cao; ban hành một số văn bản cụ thể hóa thực hiện tại cơ sở còn chậm, chất lượng chưa cao; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số xã chưa quyết liệt dẫn đến thực hiện chỉ tiêu có nội dung còn chậm, hiệu quả chưa rõ nét.

Thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đạt thấp, như: phát triển trồng cây mắc ca; thu hút xây dựng cơ sở sơ, chế biến sản phẩm; công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm hàng hóa có mặt hạn chế.

Thu hút các nhà đầu tư vào phát triển, tạo vùng sản xuất (Mắc ca) và xây dựng cơ sở sơ, chế biến sản phẩm còn chậm; chưa xây dựng được nhãn hiệu "Mắc ca Tam Đường". Công tác xúc tiến thương mại, gắn kết du lịch với giới thiệu, quảng bá sản phẩm hàng hóa có mặt hạn chế.

Phát triển sản phẩm chủ lực quy mô còn nhỏ chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của huyện. Thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa hàng hóa tập trung quy mô còn nhỏ, sản phẩm hàng hóa chưa gắn với chế biến. Quản lý thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang cây trồng khác còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động của cấp ủy, chính quyền một số cơ sở có mặt còn chưa kịp thời, thiếu quyết liệt, dẫn đến người dân một số nơi chưa nắm được nội dung các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của trung ương, của tỉnh.

Công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá tiềm năng, lợi thế của một số xã chưa sát với thực tế, dẫn đến việc đăng ký một số chỉ tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa chưa đáp ứng nhu cầu của người dân.

Việc tích tụ đất đai còn gặp nhiều khó khăn, tập quán canh tác lạc hậu của người dân một số nơi chậm thay đổi, vẫn còn tư duy sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chưa mạnh dạn đầu tư, sợ rủi ro... ảnh hưởng đến việc thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã vào đầu tư, liên kết sản xuất với người dân.

Các doanh nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư trồng cây Mắc ca chưa thực hiện đúng tiến độ đã được phê duyệt.

Trình độ, năng lực của một số công chức, viên chức tại cơ sở còn hạn chế; công tác phối giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể trong việc tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện Nghị quyết có thời điểm chưa chủ động.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, đặc biệt các chỉ tiêu chưa đạt và đạt thấp. Tiếp tục tổ chức rà

soát, điều chỉnh, duy trì 600 ha lúa hàng hóa tập trung; đồng hành cùng các công ty giống vào liên kết với người dân trồng thử nghiệm giống lúa mới để đánh giá năng xuất chất lượng, đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT đưa vào cơ cấu giống lúa của tỉnh. Bảo vệ, chăm sóc, thâm canh tốt cây chè hiện có; trồng mới 106 ha chè tập trung, 88,3 ha chè cổ thụ, chăm sóc, bảo tồn 1.691 cây chè cổ thụ; giữ vững và phát huy hiệu quả nhãn hiệu "CHETAMDUONG". Tiếp tục thu hút các doanh nghiệp, cá nhân vào đầu tư phát triển trên 509 ha cây Mắc ca trên địa bàn *(Trồng tập trung 200 ha, trồng xen chè trên 309 ha)*, xây dựng nhãn hiệu Mắc ca Tam Đường. Duy trì 200 ha cây dong riềng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất làng nghề làm miến dong đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hỗ trợ sản xuất, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và giải pháp thu hút đầu tư, kinh doanh, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung chính sách của tỉnh đảm bảo phù hợp với thực tiễn của huyện. Quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây có giá trị kinh tế cao đảm bảo theo đúng quy trình, quy định.

Tiếp tục thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển liên kết sản xuất lúa hàng hóa, phát triển các sản phẩm chủ lực của huyện gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng các mô hình chuyển giao kỹ thuật sản xuất theo hướng áp dụng các quy trình quản lý an toàn thực phẩm, nông nghiệp công nghệ cao. Thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (chương trình OCOP) gắn với phát triển du lịch, xây dựng nông thôn mới. Xúc tiến đầu tư, quảng bá, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; lập hồ sơ, thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý.

Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, huy động các nguồn vốn đầu tư, bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục thu hút và đồng hành cùng các Doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sơ, chế biến sản phẩm; khuyến khích đổi mới thiết bị và công nghệ chế biến theo hướng sử dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm được chế biến sâu, có bao bì mẫu mã sản phẩm...; xác lập nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nguồn gốc của sản phẩm, xúc tiến thương mại, gắn kết du lịch với giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông sản hàng hóa, từng bước thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

2. Giải pháp

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cấp ủy chính quyền và người dân về sự cần thiết, tính tất yếu các chính sách hỗ trợ và hiệu quả của phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nhằm tạo

sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và nhân dân. Tạo chuyển biến về nhận thức và hành động, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, sản xuất theo tiêu chuẩn, dựa trên tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tiếp tục đưa tin, bài viết,... đăng tải lên các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến các mô hình liên kết, mô hình sản xuất hàng hóa có nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để thuyết phục người dân làm theo.

Tiếp tục rà soát, bố trí, sắp xếp, điều động đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện và các xã, thị trấn để đảm bảo đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn phù hợp để tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách về nông nghiệp của Trung ương, của tỉnh tại địa bàn.

Thực hiện hiệu quả các chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành như: Nghị quyết 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025.

Đồng hành cùng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong thực hiện các chính sách về nông nghiệp. Phối hợp với các sở, ngành tỉnh hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp đã được UBND tỉnh chấp thuận khảo sát lập dự án đầu tư, các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư triển khai, thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được chấp thuận, phê duyệt. Khuyến khích nông dân góp giá trị quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư cùng doanh nghiệp để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chuyển đổi các diện tích đất hoang hóa, đất canh tác cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn. Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch, đề án đã được phê duyệt, để hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn.

Tập trung chỉ đạo tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt là thuốc trừ cỏ trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp; khuyến khích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới có nguồn gốc sinh học; tuyệt đối không sử dụng thuốc ngoài danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong việc định hướng cho nông dân và hợp tác xã về quy mô, chất lượng, quy cách nông sản và thị trường tiêu thụ; hợp tác xã, tổ hợp tác là đầu mối đại diện của nông dân tham gia các liên kết với doanh nghiệp. Đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, trang trại và kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp mở rộng các ngành

nghề dịch vụ gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2025; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Tỉnh ủy Lai Châu, kế hoạch của Huyện ủy về thực hiện về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các đề án, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp đã được phê duyệt.

Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tham gia các hoạt động hội chợ trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá sản phẩm, kết nối giao thương với các doanh nghiệp, các chuỗi tiêu thụ sản phẩm, vùng nguyên liệu, chế biến; tăng cường liên kết với Trung tâm xúc tiến và đầu tư, trung tâm giới thiệu sản phẩm, đưa các sản phẩm chủ lực của huyện nên các trang, cổng thông tin điện tử nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

Nơi nhận:
- TT. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh (b/c),
- Đ/c Nguyễn Ngọc Vinh - Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy,
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện,
- Lãnh đạo UBND huyện,
- Các đồng chí UV BCH Đảng bộ huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ

Tẩn Thị Quế

BIỂU 01: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN BAN HÀNH, LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TUYÊN TRUYỀN, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Báo cáo số 421-BC/HU, ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Huyện ủy Tam Đường)

TT	Tên văn bản văn bản	Ghi chú
I	**HUYỆN ỦY**	
1	Quyết định số 114-QĐ/HU ngày 15/9/2020 của Ban Thường vụ huyện ủy về thành lập Ban Chỉ đạo phát triển Nông nghiệp và Du lịch huyện Tam Đường giai đoạn 2020-2025	
2	Quyết định số 618-QĐ/HU ngày 14/10/2021 của Ban Thường vụ huyện ủy về Kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển Nông nghiệp và Du lịch huyện Tam Đường giai đoạn 2020-2020	
3	Kế hoạch số 67-KH/HU ngày 02/7/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/02/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	
II	**HĐND HUYỆN**	
1	Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện thông qua Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thu sản phẩm trên địa bàn huyện Tam Đường, giai đoạn 2021-2025	
2	Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Tam Đường	
III	**UBND HUYỆN**	
1	Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thu sản phẩm trên địa bàn huyện Tam Đường, giai đoạn 2021-2025,	
2	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thu sản phẩm trên địa bàn huyện Tam Đường, giai đoạn 2021-2025	
3	Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND huyện về Thành lập Tổ công tác hỗ trợ các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Tam Đường	
4	Quyết định số 1592a/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc phê duyệt Dự án bảo tồn và phát triển vùng chè cổ thu trên địa bàn huyện Tam Đường giai đoạn 2021-2025	
5	Quyết định số 1556/QĐ-UBND, ngày 09/05/2022 của UBND huyện phê duyệt hỗ trợ kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa Séng cù trên địa bàn huyện Tam Đường	
6	Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiên hỗ trợ phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2022	
7	Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 về phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiên hỗ trợ phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2023	
8	Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 8/7/2021 về phê Phê duyệt dự án Hỗ trợ trồng cây mắc ca xen chè trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2021	
9	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 về phê Phê duyệt kế hoạch và dự toán thực hiện Mô hình trồng cây mắc ca xen chè trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2022	

TT	Tên văn bản văn bản	Ghi chú
10	Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 31/3/2021 về thực hiện Đề án phát triển và thâm canh cây chè chất lượng cao trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2021	
11	Kế hoạch số 481/KH-UBND, ngày 28/04/2021 của UBND huyện về triển khai thực hiện "Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến và tiêu thu sản phẩm giai đoạn 2021-2025", năm 2021 trên địa bàn huyện Tam Đường	
12	Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 1/3/2022 của UBND huyện về thực hiện Đề án " phát triển hàng hóa nông nghiệp tập trung gắn với chế biến và tiêu thu sản phẩm giai đoạn 2021-2025" năm 2022	
13	Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 3/2/2023 của UBND huyện về thực hiện Đề án " phát triển hàng hóa nông nghiệp tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2021-2025" năm 2023	
14	Kế hoạch số 1086a/KH-UBND ngày 13/8/2021 của UBND huyện Tam Đường về triển khai thực hiện Dự án bảo tồn và phát triển vùng chè cổ thụ trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2021	
15	Kế hoạch số 626/KH-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện Tam Đường về triển khai thực hiện Dự án bảo tồn và phát triển vùng chè cổ thụ trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2022	
IV	**BAN CHỈ ĐẠO**	
1	Quyết định số 115-QĐ/BCĐ ngày 15/9/2020 của Ban Chỉ đạo phát triển Nông nghiệp và Du lịch huyện về 02 tổ giúp việc Ban Chỉ đạo phát triển Nông nghiệp và Du lịch huyện Tam Đường giai đoạn 2020-2025	
2	Quyết định số 623-QĐ/BCĐ ngày 20/10/2021 của Ban Chỉ đạo phát triển Nông nghiệp và Du lịch huyện về kiện toàn 02 tổ giúp việc Ban Chỉ đạo phát triển Nông nghiệp và Du lịch huyện Tam Đường giai đoạn 2020-2025	
3	Kế hoạch số 10-KH/BCĐ, ngày 10/11/2020 về thực hiện phát triển Nông lâm nghiệp huyện Tam Đường giai đoạn 2020-2025	
4	Kế hoạch số 34-KH/BCĐ, ngày 21/01/2021 về thực hiện phát triển Nông lâm nghiệp năm 2021	
5	Kế hoạch số 116-KH/BCĐ, ngày 23/3/2022 về thực hiện phát triển Nông lâm nghiệp năm 2022	
6	Kế hoạch số 166-KH/BCĐ, ngày 14/02/2023 về thực hiện phát triển Nông lâm nghiệp năm 2023	

BIỂU 02: KẾT QUẢ QUÁN TRIỆT, HỌC TẬP, TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Báo cáo số 423-BC/HU, ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Huyện ủy Tam Đường)

TT	Nội dung	Tổng số hội nghị	Lồng ghép sinh hoạt chi bộ	Số người được học tập, quán triệt, tuyên truyền	Trong đó							
					Đảng viên			Công chức, viên chức chưa là đảng viên			Nhân dân, đoàn viên, hội viên được tuyên	
					Tổng số	Số được học tập, quán triệt	Đạt tỷ lệ (%)	Tổng số	Số được học tập, quán triệt	Đạt tỷ lệ (%)	Số buổi	Lượt người
1	Hội nghị cấp huyện	1		777 người (1 điểm cầu huyện/132 người; 13 điểm cầu cơ sở 645 người								
2	Các chi, đảng bộ cơ sở	18	158	18.856	2.479	2.234	90,1	885	821	92,8	663	15.801

BIỂU 03: KẾT QUẢ 2,5 NĂM THỰC HIỆN MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Báo cáo số 423-BC/HU, ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Huyện ủy Tam Đường)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2025	Thực hiện đến nay	So với mục tiêu Nghị quyết (%)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*11*
1	**Lúa hàng hóa**		600	600	100,0	
2	**Cây chè**					
-	Trồng mới chè (chè tập trung)	ha	400	294,3	73,6	
-	Tổng diện tích chè toàn huyện	ha				
+	Chè tập trung	ha	2.200	2.130,4	96,8	
+	Chè cổ thụ	ha		97,5		
-	Duy trì nhãn hiệu "Chè Tam Đường"	Nhãn hiệu	1	1,0	100,0	
3	**Cây dong riềng**					
-	Diện tích	ha	150	200,0	133,3	
-	Xây dựng nhãn hiệu Miến dong Bình Lư	Nhãn hiệu	1	1,0	100,0	
4	**Cây mắc ca**					
-	Trồng mới	ha	800	290,13	36,3	
+	Trồng thuần	ha	200	34,0	17,0	
+	Trồng xen	ha	600	256,13	42,7	
-	Tổng diện tích cây mắc ca toàn huyện	ha	1.200	1.002,8	83,6	
-	Xây dựng nhãn hiệu Mắc ca Tam Đường	Nhãn hiệu	1	-	-	

BIỂU 04: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA TẬP TRUNG

(Kèm theo Báo cáo số 423-BC/HU, ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Huyện ủy Tam Đường)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Ước TH năm 2023
1	**Lúa hàng hóa**	**ha**	600,0	600,0	600,0
2	**Cây chè**				
-	Trồng mới chè (chè tập trung)	ha	110,9	113,4	70,0
-	Tổng diện tích chè toàn huyện	ha	1.971,8	2.100,2	2.227,9
+	Chè tập trung		1.947,0	2.060,4	2.130,4
+	Chè cổ thụ		24,8	39,8	97,5
-	Duy trì nhãn hiệu "Chè Tam Đường"	Nhãn hiệu	Duy trì	Duy trì	Duy trì
3	**Cây dong riềng**				
-	Diên tích	ha	177,1	280,5	200,0
-	Xây dựng nhãn hiệu Miến dong Bình Lư	Nhãn hiệu	Xây dựng thành công	Duy trì	Duy trì
4	**Cây mắc ca**				
-	Trồng mới	ha	161,6	69,0	59,5
+	Trồng thuần	ha	-	-	34,0
+	Trồng xen	ha	161,6	69,0	25,5
-	Tổng diện tích cây mắc ca toàn huyện	ha	874,3	943,3	1.002,8
-	Xây dựng nhãn hiệu Mắc ca Tam Đường	Nhãn hiệu	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng

BIỂU 05: KINH PHÍ THỰC HIỆN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA TẬP TRUNG

(Kèm theo Báo cáo số 423-BC/HU, ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Huyện ủy Tam Đường)

ĐVT: Tr. Đồng.

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí	Nhà nước hỗ trợ	Nhân dân đóng góp
	Tổng cộng			**37.265,3**	**18.012,4**	**19.252,9**
1	Hỗ trợ sản xuất lúa hàng hóa tập trung	lượt ha	1.800,0	17.640,0	-	17.640,0
2	Hỗ trợ phát triển cây chè	ha	254,3	18.351,6	16.738,7	1.612,9
-	Chè tập trung	ha	254,3	17.181,6	15.568,7	1.612,9
-	Chè cổ thụ		-	1.170,0	1.170,0	-
+	Trồng mới	ha	39,8	880,5	880,5	-
+	Chăm sóc bảo tồn	Cây	2.895,0	289,5	289,5	-
3	Hỗ trợ phát triển cây Mắc ca	ha	-	1.273,7	1.273,7	-
-	Trồng thuần	ha	230,0	1.273,7	1.273,7	-
-	Trồng xen	ha	-	-	-	-
	Trong đó:					
I	**Năm 2021**			**14.500,0**	**7.896,5**	**6.603,5**
1	Hỗ trợ sản xuất lúa hàng hóa tập trung	ha	600,0	5 880,0	-	5.880,0
2	Hỗ trợ phát triển cây chè	ha	110,9	7.710,2	6.986,7	723,5
-	Chè tập trung	ha	110,9	7.154,6	6.431,1	723,5
-	Chè cổ thu		-	555,6	555,6	-
+	Trồng mới	ha	24,8	555,6	555,6	-
+	Chăm sóc bảo tồn	Cây	-	-	-	-
3	Hỗ trợ phát triển cây Mắc ca	ha		909,8	909,8	-
-	Trồng thuần	ha	161,0	909,8	909,8	-
-	Trồng xen	ha	-	-	-	-
II	**Năm 2022**			**14.216,2**	**7.446,8**	**6.769,4**
1	Hỗ trợ sản xuất lúa hàng hóa tập trung	ha	600,0	5.880,0	-	5.880,0
2	Hỗ trợ phát triển cây chè	ha	113,4	7.972,3	7.082,9	889,4
-	Chè tập trung	ha	113,4	7.527,0	6 637,6	889,4

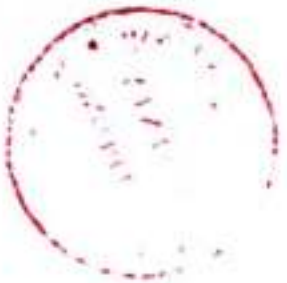

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí	Nhà nước hỗ trợ	Nhân dân đóng góp
-	Chè cổ thu	ha	-	445,3	445,3	-
+	Trồng mới	ha	15,0	324,9	324,9	-
+	Chăm sóc bảo tồn	Cây	1.204,0	120,4	120,4	-
3	Hỗ trợ phát triển cây Mắc ca	ha		363,9	363,9	-
-	Trồng thuần	ha	69,0	363,9	363,9	-
-	Trồng xen	ha	-	-	-	-
III	**Ước 6 tháng năm 2023**			**8.549,1**	**2.669,1**	**5.880,0**
1	Hỗ trợ sản xuất lúa hàng hóa tập trung	ha	600,0	5.880,0	-	5.880,0
2	Hỗ trợ phát triển cây chè	ha	30,0	2.669,1	2.669,1	-
-	Chè tập trung	ha	30,0	2.500,0	2.500,0	-
-	Chè cổ thu	ha	-	169,1	169,1	-
+	Trồng mới	ha		-	-	-
+	Chăm sóc bảo tồn	Cây	1.691,0	169,1	169,1	-
3	Hỗ trợ phát triển cây Mắc ca	ha	-	-	-	-
-	Trồng thuần	ha	-	-	-	-
-	Trồng xen	ha	-	-	-	-